

Bản án số: 262/2022/HC-PT

Ngày: 19-4-2022

*V/v khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực
quản lý nhà nước về đất đai
thuộc trường hợp cấp giấy
chứng nhận quyền sử dụng
đất.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Minh

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Nguyễn Văn Khương

-Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 19/4/2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 509/2020/HCPT ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai thuộc trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2020/HC-ST ngày 10/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 381/2022/QĐ-PT ngày 29/3/2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1 Bà Phương Ngọc T, sinh năm 1969 (có mặt).

1.2 Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh H: bà Bùi Thị T1, sinh năm 1958; Địa chỉ: Xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1 Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang;

Địa chỉ: Thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: ông Cao Quốc Đ, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2.2 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lương Huy C, chức vụ: Phó Giám đốc (có mặt).

2.3 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Hữu C1, chức vụ: Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Thanh B là công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Mai Thị L, sinh năm 1956; Địa chỉ: Xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: người khởi kiện bà Phương Ngọc T, ông Nguyễn Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện bà Phương Ngọc T và bà Bùi Thị T1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Ông H và bà T có diện tích đất 13.170m² tọa lạc tại ấp Tà Ke, xã Thạnh Hòa (nay là ấp Bờ Xáng, xã Thạnh Bình), huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/4/1995 (sau đây viết là giấy CNQSD đất), do ông Nguyễn Thanh H đứng tên. Năm 2008 bà Mai Thị L tranh chấp với ông bà phần đất có diện tích 3.735m² trong thửa đất số 133 mà ông bà đã được cấp giấy CNQSD đất. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 181/2009/DSPT ngày 21/7/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (sau đây viết là bản án 181) xử buộc ông bà phải tách quyền sử dụng đất diện tích 3.735m² thuộc thửa số 133 từ bản đồ số 05 cho bà Mai Thị L, vị trí kề cận ở phía Bắc giáp đất ông Trần Văn T2, ở phía Đông giáp đất ông Võ Văn G. Khi án có hiệu lực, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G có thông báo cho ông bà nộp giấy CNQSD đất để tách cho bà L, ông bà không đồng ý giao giấy, vì thửa đất số 133 của ông bà phía Bắc giáp đất của ông T2 là đúng nhưng phía Đông giáp đất của bà Lê Thị B1 chứ không phải giáp đất ông Võ Văn G như bản án 181 đã nêu.

Đến năm 2012, ông bà chuyển nhượng một phần diện tích đất trong thửa số 133 cho ông Đặng Văn V, ông bà giao giấy CNQSD đất cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G để tách giấy cho ông V, nhưng họ lại tự ý đánh biến động

vào giấy của ông bà T hồi diện tích 3.735m² trong thửa 133 để cấp giấy cho bà L để thực hiện theo bản án 181 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (đánh biên động ngày 13/2/2012, cấp giấy cho bà L ngày 27/02/2012).

Do bản án 181 nêu trên chỉ xử buộc ông bà tách quyền sử dụng đất cho bà L, không có nội dung buộc ông bà giao đất cho bà L, nên sau khi được cấp giấy bà L tiếp tục kiện ông bà đòi đất. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 150/2013/DS-PT ngày 28/6/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (sau đây viết là bản án 150) xử buộc ông bà giao diện tích đất 3.735m² cho bà L theo vị trí kề cận ở phía Bắc giáp thửa số 131-132 của ông Đặng Văn D (ông D đã chuyển nhượng cho bà Trương Thị P con ông Trương Văn T3 nhưng chưa sang tên), ở phía Đông giáp thửa số 135 của bà Lê Thị B1.

Sau khi án có hiệu lực, Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Giồng Riềng buộc ông bà giao đất cho bà L, ông bà không đồng ý giao, vì phần đất giáp thửa số 135 của bà Lê Thị B1 ông bà còn đứng tên quyền sử dụng. Trong quá trình tổ chức thi hành án, Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng photo giao cho ông bà 2 giấy CNQSD đất UBND huyện Giồng Riềng cấp cho bà L, gồm 1 giấy cấp ngày 17/02/2012 vị trí ở phía Đông giáp thửa đất số 134 của ông Võ Văn G, 1 giấy cấp ngày 18/11/2013 vị trí ở phía Đông giáp thửa đất số 135 của bà Lê Thị B1, trong đó giấy cấp ngày 18/11/2013 ông bà nhận được vào năm 2014.

Ông bà xác định, việc UBND huyện Giồng Riềng cấp hai giấy CNQSD đất cho bà L nêu trên là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông bà, nên ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hai Giấy CNQSD đất mà UBND huyện Giồng Riềng đã cấp cho bà Mai Thị L ngày 27/02/2012 và ngày 18/11/2013, đồng thời buộc UBND huyện Giồng Riềng phải bồi thường cho ông bà 100.000.000đ chi phí đi lại khiếu kiện.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đến ngày 09/4/2018 ông bà có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu giải quyết buộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G hủy (xóa) nội dung đánh biên động đề ngày 13/2/2012 thu hồi diện tích đất 3.735m² và đề ngày 17/2/2012 tách quyền sử dụng đất diện tích 3.700m² trong giấy CNQSD đất của ông bà (giấy ông Nguyễn Thanh H đứng tên, do UBND huyện Giồng Riềng cấp ngày 30/4/1995).

Đến ngày 05/12/2018, ông bà có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc buộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G hủy (xóa) nội dung đánh biên động đề ngày 17/2/2012 tách quyền sử dụng đất diện tích 3.700m² trong giấy CNQSD đất của ông bà.

Người bị kiện UBND huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang có ý kiến:

Thực hiện theo bản án phúc thẩm số 181/2009/DSPT ngày 21/7/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Mai Thị L và vợ chồng ông Nguyễn Thanh H bà Phương Ngọc T, năm 2012 bà Mai Thị L đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G lập thủ tục đăng ký đối với 3.735m² đất mà Tòa

án đã giải quyết công nhận quyền sử dụng cho bà, UBND huyện Giồng Riềng đã cấp giấy CNQSD đất cho bà L số BH048780 ngày 27/02/2012, về trình tự, thủ tục đúng theo quy định tại khoản 5, Điều 49 và khoản 5, Điều 50 của Luật đất đai năm 2003; điểm k, Điều 99 và Điều 140 của Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2003; về vị trí, tứ cận thửa đất cấp đúng theo bản án của Tòa án.

Do bản án 181/2009/DSPT nêu trên chỉ xử buộc ông H bà T tách quyền sử dụng đất cho bà L, không có nội dung buộc ông H bà T giao đất cho bà L. Do đó, bà L tiếp tục khởi kiện, được Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phúc thẩm bằng bản án số 150/2013/DS-PT ngày 28/6/2013 buộc ông H bà T giao đất cho bà L và trong bản án này có nội dung điều chỉnh tứ cận giáp ranh đất trong bản án số 181/2009/DSPT, đồng thời kiến nghị UBND huyện Giồng Riềng thu hồi giấy của bà L, điều chỉnh vị trí tứ cận thửa đất của bà L cho đúng với thực tế khi bà L có yêu cầu. Sau đó bà L đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G lập thủ tục cấp đổi, cấp lại giấy CNQSD đất theo bản án số 150/2013/DS-PT. UBND huyện Giồng Riềng đã cấp lại giấy CNQSD đất cho bà L số BP744642 ngày 18/11/2013, về trình tự, thủ tục đúng theo quy định tại Điều 144 của Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2003 và đúng theo bản án số 150/2013/DS-PT ngày 28/6/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Từ cơ sở trên, UBND huyện Giồng Riềng khẳng định, việc cấp giấy CNQSD đất cho bà Mai Thị L ngày 27/02/2012 và cấp đổi giấy CNQSD đất cho bà L ngày 18/11/2013 là đúng quy định pháp luật và đúng theo các bản án của Tòa án. Đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của ông H và bà T.

Người bị kiện Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G, tỉnh Kiên Giang có ý kiến:

Việc ông H và bà T yêu cầu hủy (xóa) nội dung đánh biến động ngày 13/02/2012 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Nguyễn Thanh H đứng tên về việc thu hồi diện tích 3.735m² đất của ông bà có liên quan đến nội dung khởi kiện của ông bà về việc yêu cầu hủy hai giấy CNQSD đất của Mai Thị L mà Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đang thụ lý giải quyết trong vụ án này. Do đó, cần chờ kết giải quyết của Tòa án.

Đối với nội dung đánh biến động ngày 17/02/2012 là thực hiện theo yêu cầu tách thửa của ông Nguyễn Thanh H và ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/02/2012 số BH 048709, thửa đất số 186 tách từ thửa 133, diện tích 6.700m². Do đó, việc yêu cầu hủy (xóa) nội dung biến động này là không hợp lý.

Người bị kiện Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G có ý kiến:

Việc ông H và bà T yêu cầu Tòa án buộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G hủy (xóa) nội dung đánh biến động đề ngày 13/02/2012 thu hồi diện tích đất 3.735m² thuộc thửa đất số 133 theo Quyết định số 1382 ngày 13/12/2011 trong

giấy CNQSD đất UBND huyện Giồng Riềng cấp cho ông Nguyễn Thanh H ngày 30/4/1995 là không có cơ sở, không thể chấp nhận. Bởi vì, khi đó đánh biến động như trên là thực hiện theo kết quả Tòa án giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông H bà T và bà Mai Thị L, cụ thể đó là bản án dân sự phúc thẩm số 181/2009/DSPT ngày 21/7/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Sau khi đánh biến động trong giấy CNQSD đất của ông H và đã cấp giấy CNQSD đất cho bà Mai Thị L (giấy cấp ngày 27/02/2012), bà L tiếp tục kiện ông H và bà T đòi trả đất, được Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang giải quyết bằng bản án dân sự phúc thẩm số 150/2013/DS-PT ngày 28/6/2013. Nay nếu ông H, bà T có yêu cầu điều chỉnh cho đúng thực tế theo bản án 150/2013/DS-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang thì cơ quan chuyên môn sẽ chỉnh lý cho phù hợp.

Thời điểm đó (năm 2012), Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Giồng Riềng trực thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện kiêm Giám đốc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã ký xác nhận, đánh biến động trong giấy CNQSD đất của ông H và đóng dấu của phòng Tài nguyên và Môi trường. Còn hiện nay, nếu đánh biến động, điều chỉnh biến động, hủy (xóa) biến động trong giấy CNQSD đất thì thuộc thẩm quyền, chức năng, trách nhiệm của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện trực thuộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh thực hiện, chứ phòng Tài nguyên và Môi trường huyện không còn thẩm quyền, chức năng, trách nhiệm thực hiện những công việc này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị L có ý kiến:

Việc tranh chấp đất giữa bà và vợ chồng ông H bà T đã được giải quyết xong bằng bản án dân sự phúc thẩm số 181/2009/DSPT ngày 21/7/2009 và bản án dân sự phúc thẩm số 150/2013/DS-PT ngày 28/6/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang. Đồng thời bà đã nhận lại được đất để sử dụng và đã được UBND huyện Giồng Riềng cấp giấy CNQSD đất theo đúng quy định. Do đó, bà không chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của ông H và bà T nêu ra.

Hiện nay bà chỉ giữ, sử dụng giấy CNQSD đất UBND huyện Giồng Riềng cấp ngày 18/11/2013, còn giấy CNQSD đất UBND huyện Giồng Riềng cấp ngày 27/02/2012 bà đã giao nộp lại khi làm thủ tục cấp đổi giấy. Đối với đất thì bà đã quản lý sử dụng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2020/HC-ST ngày 10/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã tuyên xử:

1/. Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H và bà Phương Ngọc T về việc buộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G, tỉnh Kiên Giang hủy (xóa) nội dung đánh biến động đề ngày 17/2/2012 tách quyền sử dụng đất diện tích 3.700m² trong giấy CNQSD đất ông Nguyễn Thanh H đứng tên, do UBND huyện Giồng Riềng cấp ngày 30/4/1995.

2/. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H và bà Phương Ngọc T về việc yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân

dân huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp cho bà Mai Thị L ngày 27/02/2012 và ngày 18/11/2013; yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang bồi thường 100.000.000đ chi phí đi khiếu kiện và yêu cầu buộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G, tỉnh Kiên Giang hủy (xóa) nội dung đánh biến động đề ngày 13/02/2012 thu hồi diện tích đất 3.735m² thuộc thửa đất số 133 trong giấy CNQSD đất ông Nguyễn Thanh H đứng tên do UBND huyện Giồng Riềng cấp ngày 30/4/1995.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/6/2020, người khởi kiện bà Phương Ngọc T, ông Nguyễn Thanh H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện bà Phương Ngọc T và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Thanh H là bà Bùi Thị T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Thanh H là bà Bùi Thị T1 trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử không đúng bản chất sự việc, vì các bản án số 181 và bản án số 150 đo vẽ, buộc giao đất cho bà L không đúng vị trí, không đúng tứ cận. Từ đó chính quyền các cấp ban hành các giấy chứng nhận QSD đất, đăng ký biến động không đúng. Vì vậy, vẫn giữ nguyên yêu cầu hủy các giấy CNQSD đất UBND huyện Giồng Riềng cấp cho bà Mai Thị L ngày 27/02/2012 và ngày 18/11/2013; buộc UBND huyện Giồng Riềng bồi thường 100.000.000đ chi phí đi khiếu kiện và buộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G hủy (xóa) nội dung đăng ký biến động QSDĐ ngày 13/02/2012 trong giấy CNQSD đất ông Nguyễn Thanh H đứng tên do UBND huyện Giồng Riềng cấp ngày 30/4/1995.

Người khởi kiện bà Phương Ngọc T trình bày: Phần đất giáp bà Lê Thị B1, ông H và bà T vẫn còn đứng tên nhưng phía chính quyền lại cắt giao cho bà Mai Thị L là không có cứ nên chúng tôi không đồng ý và tôi yêu cầu hủy các giấy CNQSD đất UBND huyện Giồng Riềng cấp cho bà Mai Thị L.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G là ông Lương Huy C trình bày: Trong quá trình giải quyết và thi hành bản án, cơ quan chức năng có thẩm quyền đã thực hiện đúng theo tinh thần bản án có hiệu lực pháp luật nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, chúng tôi thống nhất với bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G là ông Lê Thanh B có ý kiến: sau khi bản án 181 có hiệu lực pháp luật Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G có thông báo cho ông H, bà T nộp lại giấy CNQSD đất để làm thủ tục tách quyền sử dụng đất cho bà L theo bản án đã tuyên. Do ông H bà T không tự nguyện giao nộp giấy, nên UBND huyện Giồng Riềng ra Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 13/12/2011 thu hồi diện tích đất 3.735m² thuộc thửa số 133 trong giấy CNQSD đất ông H đứng tên để giao lại cho bà L và để làm thủ tục cấp giấy CNQSD đất cho bà L theo quy định. Vì vậy, sau khi có được giấy CNQSD đất do ông H đứng tên, ngày 13/02/2012 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G đã đăng ký biến động QSDĐ vào giấy này để xác nhận việc UBND huyện Giồng Riềng đã thu hồi diện tích đất 3.735m² thuộc thửa

số 133 trong giấy CNQSD đất của ông H theo Quyết định 1382/QĐ-UBND ngày 13/12/2011 của UBND huyện Giồng Riềng để thực hiện theo bản án số 181/2009/DS-PT ngày 21/7/2009. Ở thời điểm năm 2012, việc đăng ký biến động QSDĐ vào giấy CNQSD đất đối với trường hợp thu hồi đất theo quyết định của UBND huyện (tức là thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai) là thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện. Do đó, việc ngày 13/02/2012 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G đăng ký biến động QSDĐ vào giấy CNQSD đất ông H đứng tên với nội dung như nêu trên là đúng quy định và đúng với bản án của Tòa án đã xét xử.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng quy định, trong xét xử đảm bảo cho các bên thực hiện quyền tranh tụng. Về nội dung: Bản án sơ thẩm giải quyết là có căn cứ đúng pháp luật. Người kháng cáo không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Phương Ngọc T, ông Nguyễn Thanh H trong hạn luật định nên đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người bị kiện là UBND huyện Giồng Riềng vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Mai Thị L vắng mặt nhưng có ông Mai Văn L1 (anh ruột) đến phiên tòa báo cho Hội đồng xét xử được biết bà L đang nhiễm Covid-19 nên không có điều kiện nộp văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên nhờ ông Lâm đến và trình bày lý do vắng mặt. Hội đồng xét xử nhận thấy người bị kiện và bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có yêu cầu độc lập mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, đồng thời không có ý kiến gì khác ngoài ý kiến bằng văn bản đã cung cấp trước đây, nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 157 Luật tố tụng hành chính 2015.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

[2.1] Đối với yêu cầu hủy giấy CNQSD đất do UBND huyện Giồng Riềng cấp cho bà Mai Thị L ngày 27/02/2012:

Để thi hành quyết định của Bản án 181/2009/DSPT ngày 21/7/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G thông báo cho ông H và bà T nộp lại giấy CNQSD đất để làm thủ tục tách quyền sử dụng đất cho bà L theo bản án đã tuyên. Do ông H, bà T không tự nguyện giao nộp giấy, nên ngày 13/12/2011 UBND huyện Giồng Riềng ban hành quyết định số 1382/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 3.735m² thuộc thửa số 133 trong giấy CNQSD đất ông H đứng tên để giao lại cho bà L và để làm thủ tục cấp giấy CNQSD đất cho bà L theo quy định (*bút lục 118 + 119*). Sau khi có được giấy

CNQSD đất do ông H đứng tên, ngày 13/02/2012 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G đã đăng ký biến động QSDĐ vào giấy này để xác nhận việc UBND huyện Giồng Riềng đã thu hồi diện tích đất 3.735m² thuộc thửa số 133 trong giấy CNQSD đất của ông H theo Quyết định 1382/QĐ-UBND ngày 13/12/2011 của UBND huyện Giồng Riềng để thực hiện theo bản án số 181/2009/DS-PT ngày 21/7/2009. Trên cơ sở đó, đến ngày 27/02/2012 UBND huyện Giồng Riềng cấp giấy CNQSD đất cho bà L theo quy định, đúng theo bản án số 181/2009/DS-PT ngày 21/7/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang về diện tích, vị trí, tứ cận.

Mặt khác, sau khi có Bản án dân sự phúc thẩm số 150/2013/DS-PT ngày 28/6/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang điều chỉnh tứ cận phần đất của bà L cho đúng thực tế, thì bà L đã giao nộp lại giấy này cho cơ quan có thẩm quyền để xin cấp lại giấy khác cho đúng thực tế (*bút lục 133-144*). Như vậy, khi ông H và bà T khởi kiện thì bà L không còn quản lý, sử dụng giấy CNQSD đất được cấp ngày 27/02/2012. Do đó, việc ông H và bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy giấy CNQSD đất UBND huyện Giồng Riềng cấp cho bà Mai Thị L ngày 27/02/2012 không có cơ sở để chấp nhận như nhận định tại bản án sơ thẩm là phù hợp.

[2.2] Đối với yêu cầu hủy giấy CNQSD đất UBND huyện Giồng Riềng cấp cho bà Mai Thị L ngày 18/11/2013:

Theo chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện rõ diện tích, vị trí đất bà Mai Thị L được công nhận quyền sử dụng trong các bản án đã có hiệu lực pháp luật (bản án 181 và bản án 150) không có sự thay đổi, chỉ có việc ghi tứ cận không đúng thực tế, có phía giáp đất người này nhưng lại ghi giáp đất người khác, cụ thể:

- Theo bản án 181 ghi hướng bắc giáp đất ông Bà Trần Văn T2; hướng đông giáp đất ông Võ Văn G, trong khi trên thực tế hướng bắc giáp đất ông Đặng Văn D đã chuyển nhượng cho bà Trương Thị P con ông Trương Văn T3 nhưng chưa sang tên; hướng đông giáp đất bà Lê Thị B1. Do đó, bản án 150 đã điều chỉnh, xác định lại cho chính xác tứ cận phần đất của bà L là hướng bắc giáp đất ông Đặng Văn D, hướng đông giáp đất bà Lê Thị B1.

- Theo chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án xác định được nguyên nhân bản án 181 ghi không chính xác, nhầm lẫn tứ cận phần đất của bà L là vì: theo sơ đồ và thực tế đất gốc thì hướng bắc giáp đất ông Đặng Văn D nhưng ở thời điểm giải quyết tranh chấp phần đất của ông D đã chuyển nhượng lại cho gia đình ông Trương Văn T3 (chưa sang tên) nên ghi giáp đất ông T2; ở hướng đông giáp đất bà Lê Thị B1 nhưng ở thời điểm giải quyết tranh chấp thì đất của bà Bẩy do ông Võ Văn G trực tiếp quản lý sử dụng (bà Bẩy cầm cố cho ông Ghi) nên ghi nhầm lẫn giáp đất ông Võ Văn G (*bút lục 73 - 74 + 78 - 81*).

Từ đó, trên cơ sở bản án dân sự phúc thẩm số 150/2013/DS-PT ngày 28/6/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và theo yêu cầu của bà L, UBND huyện Giồng Riềng đã thu hồi giấy CNQSD đất cấp ngày 27/02/2012 và cấp lại

giấy CNQSD đất ngày 18/11/2013 cho bà L, trong đó có thể hiện sơ đồ vị trí, tứ cận phần đất của bà L đúng thực tế và đúng theo bản án 150 (*bút lục 136 + 144*).

- Qua kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và lời trình bày của những người có đất giáp ranh cho thấy, giấy CNQSD đất UBND huyện Giồng Riềng cấp cho bà L ngày 18/11/2013 đúng diện tích, vị trí, tứ cận phần đất mà bà L được công nhận quyền sử dụng theo các bản án đã có hiệu lực pháp luật, đồng thời trên thực tế bà L cũng quản lý sử dụng đúng diện tích, vị trí phần đất này. Giấy CNQSD đất UBND huyện Giồng Riềng cấp cho bà L ngày 18/11/2013 không lấn sang phần đất còn lại của ông H, bà T và trên thực tế bà L cũng chỉ quản lý sử dụng đúng diện tích, vị trí đất bà được công nhận quyền sử dụng mà Tòa án buộc ông H, bà T giao trả cho bà (*bút lục 73 - 74 + 78 - 81*).

- Theo giấy CNQSD đất UBND huyện Giồng Riềng cấp ngày 27/02/2012 và kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ cho thấy, nếu ghi hướng đông phần đất giao cho bà L giáp thửa đất số 134 của ông Võ Văn G thì sẽ cắt xéo vào hậu đất thuộc quyền sử dụng của ông H bà T, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông bà (*bút lục 73 - 74 + 78 - 81*). Tuy nhiên, như trên đã nêu, bản án 150 đã điều chỉnh tứ cận phần đất giao cho bà L đúng thực tế ở hướng đông giáp thửa đất 135 của bà Lê Thị B1 chứ không giáp thửa 134 của ông Võ Văn G, đồng thời giấy CNQSD đất cấp cho bà L ngày 27/02/2012 đã bị thu hồi cấp lại giấy khác ngày 18/11/2013 thể hiện đúng vị trí tứ cận trên thực tế, trong đó có hướng đông giáp thửa đất 135 của bà Lê Thị B1 như bản án 150 xác định (*bút lục 136 + 144*).

Từ các cơ sở trên, cấp sơ thẩm đã xác định giấy CNQSD đất UBND huyện Giồng Riềng cấp cho bà Mai Thị L ngày 18/11/2013 đúng diện tích, vị trí phần đất bà L được công nhận quyền sử dụng và trên thực tế bà L cũng đã quản lý sử dụng đúng phần đất này. Giấy CNQSD đất bà L được cấp ngày 18/11/2013 không lấn sang phần đất còn lại thuộc quyền sử dụng của ông H, bà T, không ảnh hưởng gì đến quyền lợi hợp pháp của ông bà là có cơ sở.

[2.3] Đối với yêu cầu buộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G hủy (xóa) nội dung đăng ký biến động QSDĐ đề ngày 13/02/2012 thu hồi diện tích đất 3.735m² trong giấy CNQSD đất ông Nguyễn Thanh H đứng tên do UBND huyện Giồng Riềng cấp ngày 30/4/1995:

Sau khi có các bản án giải quyết tranh chấp đất giữa bà L và vợ chồng ông H bà T có hiệu lực pháp luật (bản án dân sự phúc thẩm số 181/2009/DSPT ngày 21/7/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang), Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G thông báo cho ông H và bà T nộp lại giấy CNQSD đất để làm thủ tục tách quyền sử dụng đất cho bà L theo bản án đã tuyên. Do ông H, bà T không tự nguyện giao nộp giấy, nên ngày 13/12/2011 UBND huyện Giồng Riềng ban hành quyết định số 1382/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 3.735m² thuộc thửa số 133 trong giấy CNQSD đất ông H đứng tên để giao lại cho bà L và để làm thủ tục cấp giấy CNQSD đất cho bà L theo quy định (*bút lục 118 - 119*). Sau khi có được giấy CNQSD đất do ông Nguyễn Thanh H đứng tên, ngày 13/02/2012 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G đăng ký biến động QSDĐ vào giấy này để xác

nhận việc UBND huyện Giồng Riềng đã thu hồi diện tích đất 3.735m² thuộc thửa số 133 trong giấy CNQSD đất của ông H theo Quyết định 1382/QĐ-UBND ngày 13/12/2011 của UBND huyện Giồng Riềng để thực hiện theo bản án dân sự phúc thẩm số 181/2009/DS-PT ngày 21/7/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Như vậy, việc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G đăng ký biến động QSDĐ vào giấy CNQSD đất của ông H ngày 13/02/2012 với nội dung như trên là đúng quy định. Vì thời điểm đó (năm 2012) phòng Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tham mưu cho UBND huyện trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai có thẩm quyền, trách nhiệm xác nhận nội dung biến động vào giấy CNQSD đất đối với trường hợp thu hồi đất. Đồng thời việc xác nhận này (đăng ký biến động QSDĐ) là đúng thực tế việc ông H bị thu hồi diện tích đất theo quyết định của UBND huyện để thực hiện theo bản án giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất đã có hiệu lực pháp luật.

Mặt khác, cho đến nay các Bản án dân sự phúc thẩm số 181/2009/DS-PT ngày 21/7/2009 và số 150/2013/DS-PT ngày 28/6/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà L và vợ chồng ông H bà T vẫn còn hiệu lực pháp luật, nên việc đăng ký biến động QSDĐ ngày 13/02/2012 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G vào giấy CNQSD đất ông H đứng tên để xác nhận việc đã thu hồi diện tích đất trong giấy CNQSD đất của ông H theo quyết định của UBND huyện để thực hiện bản án 181 là thể hiện đúng thực tế, không thể xóa bỏ. Tuy nhiên, việc đăng ký biến động QSDĐ ngày 13/02/2012 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G vào giấy CNQSD đất ông H đứng tên là thực hiện theo bản án 181/2009/DSPT ngày 21/7/2009, còn theo bản án 150/2013/DS-PT ngày 28/6/2013 thì có điều chỉnh về tứ cận phần đất của bà L khác bản án 181 nhưng vị trí, diện tích đất buộc giao cho bà L không thay đổi, do đó nếu ông H, bà T muốn điều chỉnh bổ sung nội dung đăng ký biến động trong giấy CNQSDĐ của mình cho cụ thể hơn và đúng theo bản án 150 thì có quyền yêu cầu cơ quan chuyên môn chỉnh lý bổ sung.

[2.4] Đối với yêu cầu buộc UBND huyện Giồng Riềng bồi thường 100.000.000đ chi phí đi khiếu kiện:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật tố tụng hành chính, người khởi kiện trong vụ án hành chính có thể đồng thời yêu cầu bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính, hành vi hành chính gây ra. Trong khi các quyết định hành chính, hành vi hành chính của người bị kiện mà ông H và bà T yêu cầu hủy, buộc thực hiện nêu trên không được Tòa án chấp nhận, đồng thời số tiền ông H và bà T yêu cầu bồi thường không phải là thiệt hại do quyết định hành chính, hành vi hành chính bị kiện gây ra, mà là chi phí đi khiếu kiện. Do vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông H, bà T là đúng quy định.

Tại phiên tòa, người khởi kiện kháng cáo nhưng không đưa ra những tài liệu, chứng cứ gì mới ngoài những chứng cứ đã được Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, bác yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H và bà Phương Ngọc T.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là bà Phương Ngọc T, ông Nguyễn Thanh H. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2020/HC-ST ngày 10/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1/. Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H và bà Phương Ngọc T về việc buộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G, tỉnh Kiên Giang hủy (xóa) nội dung đăng ký biến động QSDĐ đề ngày 17/2/2012 tách quyền sử dụng đất diện tích 3.700m² trong giấy CNQSD đất ông Nguyễn Thanh H đứng tên, do UBND huyện Giồng Riềng cấp ngày 30/4/1995.

2/. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H và bà Phương Ngọc T về việc yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp cho bà Mai Thị L ngày 27/02/2012 và ngày 18/11/2013; yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang bồi thường 100.000.000đ chi phí đi khiếu kiện và yêu cầu buộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G, tỉnh Kiên Giang hủy (xóa) nội dung đăng ký biến động QSDĐ đề ngày 13/02/2012 thu hồi diện tích đất 3.735m² thuộc thửa đất số 133 trong giấy CNQSD đất ông Nguyễn Thanh H đứng tên do UBND huyện Giồng Riềng cấp ngày 30/4/1995.

3/. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh H và bà Phương Ngọc T mỗi người phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính đã nộp theo các biên lai thu số 0005328, 0005329 cùng ngày 29/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. Ông H, bà T đã nộp xong án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự (6);
- Lưu: hồ sơ (2), VP (5), 18b (LTTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đắc Minh